

Số: 12/2009/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định số lượng, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân và phụ cấp của cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2004/TTLT/BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 14/5/2004 của liên Bộ: Nội vụ - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 12 về số lượng, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân và cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 226/TTr-SNV ngày 01/9/2009 về việc ban hành Quyết định số lượng, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân và cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân và cán bộ, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ như sau:

1. Số lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã được bố trí tối đa không quá 12 người để đảm nhiệm các chức danh sau:

1.1- Chủ tịch Hội người cao tuổi;

1.2- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;



- 1.3- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- 1.4- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- 1.5- Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ;
- 1.6- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- 1.7- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- 1.8- Phó Trưởng công an (bố trí ở xã, thị trấn);
- 1.9- Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
- 1.10- Cán bộ kế hoạch - giao thông- thủy lợi - nông, lâm, ngư nghiệp;
- 1.11- Chủ nhiệm Nhà văn hóa kiêm phụ trách Đài truyền thanh;
- 1.12- Cán bộ Văn phòng Đảng ủy.

2. Số lượng và chức danh cán bộ không chuyên trách ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân (gọi chung là thôn):

2.1- Đối với thôn có Chi bộ độc lập bố trí 02 cán bộ gồm:

- a) Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn;
- b) Phó Trưởng thôn kiêm Công an viên.

2.2- Đối với thôn có Chi bộ ghép bố trí 03 cán bộ gồm:

- a) Bí thư Chi bộ;
- b) Trưởng thôn;
- c) Phó Trưởng thôn kiêm Công an viên.

2.3- Trường hợp thôn có Chi bộ độc lập nhưng có khó khăn về bố trí cán bộ, được bố trí 03 cán bộ như điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

2.4- Đối với thôn ở vùng sâu, vùng xa có địa hình phức tạp, địa bàn rộng, dân cư không tập trung thì có thể bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn kiêm công an viên.

Việc bố trí tăng thêm cán bộ thôn nêu tại điểm 2.3 và 2.4, Khoản 2, Điều 1 Quyết định này phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng ý bằng văn bản theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ:

- 3.1- Bí thư Đảng ủy kiêm phụ trách công tác Tổ chức, Tuyên giáo;
- 3.2- Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Thường trực Đảng ủy kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, phụ trách công tác dân vận;
- 3.3- Công chức Văn hoá - Xã hội kiêm công tác lao động thương binh và xã hội, công tác gia đình và trẻ em;
- 3.4- Công chức Văn phòng - Thống kê kiêm công tác thủ quỹ - văn thư - lưu trữ.

*Đã nêu trong
kế hoạch công tác*

PNQ 18

Điều 2. Nguyên tắc bố trí, sắp xếp cán bộ

1. Việc quản lý, bố trí, sắp xếp cán bộ không chuyên trách thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Đảng, quy định của các tổ chức đoàn thể và quy định tại Quyết định này.

2. Số lượng cán bộ không chuyên trách quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này là mức tối đa được bố trí, khuyến khích thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo nguyên tắc một người đảm nhiệm không quá hai chức danh và phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ; kiêm nhiệm chức danh nào thì được hưởng 50% phụ cấp của chức danh đó (chức danh kiêm nhiệm là chức danh đảm nhiệm sau).

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình, đặc điểm cụ thể từng xã, phường, thị trấn quyết định bố trí cán bộ không chuyên trách cấp xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Chế độ chính sách

1. Cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ không chuyên trách ở thôn và cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ được hưởng phụ cấp hằng tháng tính theo mức lương tối thiểu như sau:

1.1- Chủ tịch Hội người cao tuổi hưởng phụ cấp hệ số 0,7;

1.2- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ hưởng phụ cấp hệ số 0,6;

1.3- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Nhà văn hóa kiêm phụ trách Đài truyền thanh, cán bộ Văn phòng Đảng uỷ hưởng phụ cấp hệ số 0,5;

1.4- Phó Trưởng Công an, Phó Chỉ huy trưởng quân sự hưởng phụ cấp hệ số 0,8;

1.5- Cán bộ kế hoạch - giao thông - thủy lợi - nông, lâm, ngư nghiệp hưởng phụ cấp hệ số 1,0;

1.6- Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn hưởng phụ cấp hệ số 0,7;

1.7- Bí thư Chi bộ hưởng phụ cấp hệ số 0,5;

1.8- Trưởng thôn hưởng phụ cấp hệ số 0,5;

1.9- Phó thôn kiêm Công an viên hưởng phụ cấp hệ số 0,4;

1.10- Bí thư Đảng uỷ kiêm phụ trách công tác Tổ chức Đảng, Tuyên giáo, Phó Bí thư Đảng uỷ hoặc Thường trực Đảng uỷ kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng, phụ trách công tác Dân vận hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,2;

1.11- Công chức Văn hoá - Xã hội kiêm công tác lao động - thương binh và xã hội, công tác gia đình, trẻ em, Công chức Văn phòng - Thống kê kiêm công tác thủ quỹ - văn thư - lưu trữ hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,2.

2. Các chức danh: Bí thư Đảng uỷ, Phó bí thư Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân được

*Kiểm tra
Hàng S.*

*2
b*

hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 10% mức lương và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng.

Cán bộ chuyên trách cấp xã kiêm thêm nhiều chức danh (kể cả chức danh lãnh đạo) chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

3. Mức phụ cấp của cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ quy định tại điểm i, k Khoản 1 và Khoản 2, Điều 3, Quyết định này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội. → *đ 1, k*

4. Cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ không chuyên trách ở thôn được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cán bộ không chuyên trách

1. Nhiệm vụ:

1.1- Cán bộ không chuyên trách thuộc tổ chức đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế hoạt động của tổ chức và hướng dẫn của tổ chức cấp trên.

1.2- Cán bộ không chuyên trách thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.3- Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn kiêm công an viên thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 81/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Pháp lệnh công an xã.

2. Tiêu chuẩn:

2.1- Cán bộ không chuyên trách thuộc tổ chức đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thực hiện theo quy định của tổ chức đó.

2.2- Cán bộ không chuyên trách cấp xã thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã phải có phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ được giao. Ưu tiên bố trí, sắp xếp người trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên.

2.3- Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn kiêm công an viên thực hiện theo quy định tại Điều 8, Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 81/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quản lý cán bộ không chuyên trách

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1.1- Thực hiện việc bố trí cán bộ và chế độ phụ cấp của cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ theo quy định;

1.2- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ không chuyên trách ở thôn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

2.1- Quản lý số lượng, chất lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ không chuyên trách ở thôn;

2.2- Nhận xét, đánh giá đối với cán bộ không chuyên trách thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn kiêm công an viên;

2.3- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ không chuyên trách theo quy định;

2.4- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện, thị xã thực hiện việc bố trí cán bộ và chế độ chính sách đối với cán bộ thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này theo đúng quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ thực hiện công tác chuyên môn theo đúng quy định;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này thay thế các Quyết định và quy định sau của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Quyết định số 05/2006/QĐ-UBND ngày 13/5/2006 về việc ban hành Quy định về số lượng, chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn và mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân và cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã kiêm thêm nhiệm vụ cán bộ không chuyên trách;

2. Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/6/2008 về việc ban hành mức hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ cấp phó của các đoàn thể cấp xã không kiêm nhiệm chưa được hưởng phụ cấp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

3. Điều 12, Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 81/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH địa phương;
- Các ban Đảng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 8 (thi hành);
- Huyện ủy, Thị ủy;
- HĐND huyện, thị xã;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Trưởng, phó Phòng và CV;
- Lưu: VT. (TT-270)

Báo
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Chiến